

Bản án số: 17/2018/DS-ST

Ngày: 18-6-2018

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Ngọc Giới

2. Ông Từ Minh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Hương Giang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Thân Mạnh Thắng -Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2017/TLST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2018/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1972 “có mặt”

Địa chỉ: Thôn L1, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Giang

- Bị đơn: Anh Vũ Trí N, sinh năm 1972 “vắng mặt”

Chị Lê Thị C, sinh năm 1972 “vắng mặt”

Đều cư trú: Thôn G, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Giang

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Phan Thị H, sinh năm 1974 “vắng mặt”

Địa chỉ: Thôn L1, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Giang

Đại diện theo ủy quyền Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1972 “có mặt”

Địa chỉ: Thôn L1, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Giang

(Theo giấy ủy quyền ngày 22/12/2017).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/6/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 27/7/2012 vợ chồng anh có cho vợ chồng anh N, chị C vay số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

Khi vay hai bên có lập giấy biên nhận vay tiền, không thỏa thuận thời hạn thanh toán mà thỏa thuận thời hạn thanh toán miệng khi nào vợ chồng anh cần anh sẽ báo cho vợ chồng anh N, chị C biết trước từ 10 đến 15 ngày và thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng. Kể từ khi vay vào tháng 8/2012 vợ chồng anh N, chị C đã thanh toán trả cho vợ chồng anh được 9.000.000đ tiền lãi. Đến tháng 8/2013 do nhu cầu cần tiền nên anh có đến đòi vợ chồng anh N, chị C thanh toán trước cho vợ chồng anh 100.000.000đ nhưng vợ chồng anh N, chị C không thanh toán được cho anh đồng nào kể từ đó đến nay mặc dù vợ chồng anh đã đi đòi nhiều lần.

Nay anh yêu cầu vợ chồng anh N, chị C thanh toán trả anh số tiền nợ gốc 300.000.000đ và không yêu cầu lãi suất. Ngoài ra anh không có yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa hôm nay anh vẫn giữ nguyên yêu cầu trên. Về lãi suất chậm thi hành án anh yêu cầu anh N, chị C trả anh theo mức lãi suất chậm thi hành án theo quy định của pháp luật trên số tiền phải thi hành.

Trong quá trình tố tụng bị đơn anh Vũ Trí N trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết với vợ chồng anh Nguyễn Văn Đ và chị Phan Thị H nên ngày 27/7/2012 vợ chồng anh chị đã vay số tiền là 300.000.000đ. Khi vay hai bên có làm giấy tờ biên nhận và thỏa thuận lãi suất 3%/tháng và thỏa thuận khi nào vợ chồng anh Đ, chị C cần báo trước vợ chồng anh chị 05 ngày. Đến năm 2013 vợ chồng anh Đ có đến đòi tiền vợ chồng anh chị nhưng do làm ăn thua lỗ nên vợ chồng anh chị không có để trả. Kể từ ngày vay vợ chồng anh chị đã thanh toán cho vợ chồng anh Đ, chị H được 9.000.000đ tiền lãi. Nay vợ chồng anh Đ, chị H yêu cầu vợ chồng anh chị thanh toán tiền gốc 300.000.000đ và lãi suất 3%/tháng anh không đồng ý mà đồng ý thanh toán trả số nợ gốc 300.000.000đ và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay trên cơ sở trừ đi số tiền lãi 9.000.000đ anh chị đã thanh toán, do điều kiện khó khăn nên anh xin được trả dần.

Tại phiên tòa hôm nay anh Vũ Trí N vắng mặt.

Trong quá trình tố tụng bị đơn chị Lê Thị C trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết với vợ chồng anh Nguyễn Văn Đ và chị Phan Thị H nên ngày 27/7/2012 vợ chồng anh chị đã vay số tiền là 300.000.000đ. Khi vay hai bên có làm giấy tờ biên nhận và thỏa thuận lãi suất 3%/tháng và thỏa thuận khi nào vợ chồng anh Đ, chị C cần báo trước vợ chồng anh chị 05 ngày. Kể từ ngày vay vợ chồng anh chị đã thanh toán cho vợ chồng anh Đ, chị H được 9.000.000đ tiền lãi. Nay vợ chồng anh Đ, chị H yêu cầu vợ chồng anh chị thanh toán tiền gốc 300.000.000đ và lãi suất 3%/tháng chị không đồng ý mà đồng ý

thanh toán trả số nợ gốc 300.000.000đ và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay trên cơ sở trừ đi số tiền lãi 9.000.000đ anh chị đã thanh toán, do điều kiện khó khăn nên chị xin được trả dần.

Tại phiên tòa hôm nay chị Lê Thị C vắng mặt.

Trong quá trình tố tụng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị H trình bày: Chị là vợ của anh Đ do có quan hệ quen biết với anh N, chị C nên ngày 27/7/2012 vợ chồng anh chị đã cho anh N, chị C vay số tiền 300.000.000đ. Khi vay hai bên có làm giấy tờ biên nhận và thỏa thuận lãi là 3%/tháng và thỏa thuận thời hạn thanh toán khi nào cần sẽ báo trước. Nay chị yêu cầu vợ chồng anh N, chị C thanh toán trả vợ chồng anh chị số tiền 300.000.000đ tiền gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay.

Tại phiên tòa hôm nay anh Đ là người đại diện theo ủy quyền của chị H có mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu trên và không yêu cầu tính lãi suất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 471, 474, 476, 477 BLDS năm 2005 và Điều 463, Điều 466, Điều 468 BLDS năm 2015; Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12, Điều 24, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của anh Đ buộc anh N, chị C phải thanh toán trả cho anh Đ, chị H số tiền nợ gốc 300.000.000đ.

Anh N, chị C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án nhân dân huyện N đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh Vũ Trí N và chị Lê Thị C, nhưng anh N, chị C vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy quyền lợi của anh N, chị C đã được đảm bảo theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] Nội dung quan hệ tranh chấp: Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 27/7/2012 anh Đ, chị H có cho vợ chồng anh N, chị C vay số tiền 300.000.000đ,

khi vay hai bên có viết giấy biên nhận và thỏa thuận lãi 3%/1 tháng. Anh N, chị C thừa nhận anh chị có vay tiền của anh Đ, chị H số tiền 300.000.000đ. Như vậy có đủ cơ sở kết luận anh Vũ Trí N và chị Lê Thị C còn nợ anh Nguyễn Văn Đ và chị Phan Thị H số nợ gốc 300.000.000đ. Ngoài ra anh N, chị C còn phải chịu lãi chậm thi hành án theo mức lãi suất do pháp luật quy định trên số tiền chậm trả. Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản nên áp dụng Điều 471, Điều 474, Điều 476, Điều 477 và Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 BLDS năm 2015 để giải quyết vụ án.

[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi của anh Nguyễn Văn Đ và chị Phan Thị H thì trong quá trình cho vay hai bên có thỏa thuận lãi suất 3%/tháng và vợ chồng anh N, chị C đã thanh toán được 9.000.000đ tiền lãi. Tuy nhiên trong quá trình xét xử vụ án và tại phiên tòa hôm nay anh Đ, chị H do anh Đ đại diện theo ủy quyền không yêu cầu Tòa án giải quyết về lãi suất nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Đ được chấp nhận nên anh Vũ Trí N và chị Lê Thị C phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 471, 474, 476 BLDS năm 2005 và Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 BLDS năm 2015; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12, Điều 24, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Đ.

Buộc anh Vũ Trí N, chị Lê Thị C phải thanh toán trả anh Nguyễn Văn Đ, chị Phan Thị H số tiền nợ gốc là 300.000.000đ.

2. Án phí: Anh Vũ Trí N, chị Lê Thị C phải chịu 15.000.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả anh Nguyễn Văn Đ số tiền 7.500.000đ đã nộp tại biên lai thu số AA/2017/0002929 ngày 21/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Bắc Giang.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất của tất cả số tiền phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Hương